

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2023
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Phạm Hoàng Kiệt**.

2- Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đen**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa..

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **La Quốc H**, sinh năm 1996. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp ĐL, xã LT, huyện GR, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1995. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp XK, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2023 , các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh La Quốc H trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D tự tìm hiểu, quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán địa phương, vợ chồng anh có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện GR, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/02/2018.

Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc bên gia đình được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống và cả làm ăn kinh tế nên thường cự cãi với nhau làm cho gia đình không được hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2019. Từ đó đến nay, vợ chồng anh, chị không lui tới với nhau và cũng không ai quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định là không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị Nguyễn Thị D biết về yêu cầu khởi kiện của anh La Quốc H đối với chị D nhưng chị D vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh La Quốc H.

Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị D được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh H và chị D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình và có tổ lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện GR, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh H và chị D là hợp pháp.

Nguyên nhân anh H yêu cầu ly hôn với chị D theo anh H trình bày là do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên thường cự cãi với nhau làm cho gia đình không được hạnh phúc nên anh H và chị D đã bỏ ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho chị D đến tham gia hòa giải tại Tòa án nhưng chị D đều vắng mặt, đồng thời cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của anh H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc hôn nhân giữa vợ chồng anh H và chị D thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau dẫn đến ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không sống chung với nhau thời gian dài, không còn quan tâm lẫn nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Tại phiên tòa anh H vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị D.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên cần chấp nhận yêu cầu của Anh La Quốc H để xử cho anh H được ly hôn với chị D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

- Về con chung: Anh H xác định là trong thời gian chung sống anh và chị D không có nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày là anh và chị D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày này của anh H và không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh La Quốc H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005826 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh La Quốc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.
2. Về con chung: Anh H xác định là không có nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày là không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh La Quốc H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005826 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/9/2023), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

Lư Quốc Thịnh